

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Báo tuần từ ngày 02/7/2024 đến ngày 09/7/2024)

DVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU CHI	Dự toán năm 2024	Phát sinh trong tuần	Thực hiện đến ngày 09/7/2024	Ước phát sinh tuần sau (từ ngày 10/7/2024 đến ngày 16/7/2024)	Ước thực hiện đến ngày 16/7/2024	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 09/7/2024 so với Dự toán	Tỷ lệ % UTH đến ngày 16/7/2024 so với Dự toán	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 09/7/2024 so với cùng kỳ	So sánh với tuần trước	
										Tăng(+)/ giảm(-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=3/1	7=5/1	8	9=2-(PS tuần trước)	10
	TỔNG CHI	14.456.318	387.936	8.382.505	500.000	8.882.505	57,99	61,44	102,54	-163.531	-29,65
A	CHI CÂN ĐỐI	14.456.118	387.936	7.142.907	500.000	7.642.907	49,41	52,87	106,38	-169.615	-30,42
I.	Chi đầu tư phát triển	4.883.653	105.979	3.181.790	150.000	3.331.790	65,15	68,22	109,07	-312.936	-74,70
II.	Chi thường xuyên	9.152.580	281.957	3.960.078	350.000	4.310.078	43,27	47,09	104,36	143.321	103,38
1	Chi hành chính SN	8.345.022	271.565	3.779.327	330.000	4.109.327	45,29	49,24	105,66	138.317	103,80
	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	1.047.526	14.103	289.047	80.000	369.047	27,59	35,23	70,91	5.712	68,07
	Chi sự nghiệp văn xã	5.730.288	188.042	2.608.525	150.000	2.758.525	45,52	48,14	108,56	90.982	93,74
	Chi quản lý hành chính	1.567.208	69.420	881.755	100.000	981.755	56,26	62,64	115,06	41.623	149,74
2	Chi khác	807.558	10.392	180.751	20.000	200.751	22,38	24,86	82,93	5.004	92,87
	Quốc phòng - An ninh	310.131	9.731	154.503	10.000	164.503	49,82	53,04	92,47	4.997	105,56
	Khác	497.427	661	26.248	10.000	36.248	5,28	7,29	51,58	7	1,07
III.	Bổ sung quỹ DTTC	1.000	0	1.000	0	1.000	100,00	100,00		0	
IV.	Dự phòng	235.220	0	0	0	0				0	
V.	Tạo nguồn cải cách tiền lương	0	0	0	0	0				0	
VI.	Chi CTMT, BS có mục tiêu	183.665	0	0	0	0				0	
VII.	Chi trả lãi, phí vay	200	0	39	0	39				0	
VIII.	Chi trả nợ vay	0	0	0	0	0				0	
B	TẠM ỨNG XDCB	0	0	92.448	0	92.448				6.084	
C	TẠM ỨNG HCSN	0	0	6.222	0	6.222				0	
D	TẠM ỨNG KHÁC	0	0	0	0	0				0	
E	T.Ư CHI XDCB NĂM TRƯỚC CH.SANG	0	0	1.140.928	0	1.140.928				0	0

Ghi chú: Nguồn dự phòng năm 2024: Dự toán là 235,220 tỷ đồng; đã sử dụng đến ngày 09/7/2024 là 53,970 tỷ đồng. Trong đó:
- Cấp Tỉnh: Dự toán đầu năm là 94,576 tỷ đồng, đã có kế hoạch sử dụng đến ngày 09/7/2024 là 13,069 tỷ đồng. Số còn lại là 81,507 tỷ đồng.
- Cấp Huyện: Dự toán đầu năm là 117,154 tỷ đồng, đã sử dụng đến ngày 09/7/2024 là 37,661 tỷ đồng. Số còn lại là 79,494 đồng.
- Cấp Xã: Dự toán đầu năm là 23,490 tỷ đồng, đã sử dụng đến ngày 09/7/2024 là 3,240 tỷ đồng. Số còn lại là 20,249 tỷ đồng.

Lập biểu

Thân Thị Diệu Thắm

Phòng QL Ngân sách - Tài chính HCSN

Nguyễn Hoàng Búp

TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Báo tuần từ ngày 02/7/2024 đến ngày 09/7/2024)

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU THU	Dự toán 2024	Phát sinh trong tuần	Thực hiện đến ngày 09/7/2024	Ước phát sinh tuần sau (từ ngày 10/7/2024 đến ngày 16/7/2024)	Ước thực hiện đến ngày 16/7/2024	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 09/7/2024 so với Dự toán	Tỷ lệ % UTH đến ngày 16/7/2024 so với Dự toán	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 09/7/2024 so với cùng kỳ	So sánh với tuần trước	
										Tăng(+)/ giảm(-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=3/1	7=5/1	8	⁹⁼²⁻ (PS tuần trước)	10
	TỔNG THU	14.580.299	2.472.066	17.071.997	36.600	17.108.597				2.013.503	
1)	Thu NSNN trên địa bàn	8.801.000	67.678	6.459.519	36.600	6.496.119	73,40	73,81	128,53	-356.626	(84,05)
a)	Thu nội địa	8.531.000	62.010	6.266.082	26.600	6.292.682	73,45	73,76	128,94	-351.974	(85,02)
-	Thu từ DN có vốn ĐTNN	2.080.000	1.756	1.704.222	3.000	1.707.222	81,93	82,08	120,72	1.465	-
-	Thu từ doanh nghiệp NN	252.000	1.956	144.815	2.000	146.815	57,47	58,26	120,65	1.193	156,36
-	Thu từ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.210.000	14.529	1.092.235	5.000	1.097.235	90,27	90,68	182,83	1.184	8,87
-	Lệ phí trước bạ	280.000	7.798	176.342	2.000	178.342	62,98	63,69	99,54	2.545	48,45
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi NN	18.000	483	11.952	500	12.452	66,40	69,18	123,82	-3.108	-86,5
-	Thuế thu nhập cá nhân	825.000	9.824	519.545	1.000	520.545	62,98	63,10	104,66	1.913	24,18
-	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000	16.751	771.954	1.000	772.954	77,20	77,30	167,29	-307.630	(94,84)
-	Thu tiền cấp quyền Khai thác khoáng sản	5.500	46	5.199	100	5.299	94,53	96,35	129,88	-14	-
-	Thu phí, lệ phí	137.000	1.790	85.078	1.500	86.578	62,10	63,20	110,68	-3.660	(67,16)
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	1.000	0	645	0	645	64,50	64,50	0,00	-14	-
-	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	40.000	128	39.671	500	40.171	99,18	100,43	367,15	-13.153	-99,04
-	Thuế bảo vệ môi trường	620.000	0	360.016	0	360.016	58,07	58,07	0,00	0	-
-	Thu khác ngân sách	232.500	6.949	178.084	10.000	188.084	76,60	80,90	90,71	-1.695	(19,61)
-	Thu từ hoạt động XSKT	1.830.000	0	1.176.324	0	1.176.324	64,28	64,28	116,88	-31.000	-
b)	Thuế xuất nhập khẩu	270.000	5.668	193.437	10.000	203.437	71,64	75,35	116,62	-4.652	(45,08)
2)	Thu bổ sung từ NSTW	5.779.299	1.819.000	5.101.000	0	5.101.000	88,26	88,26	180,95	1.819.000	
3)	Thu chuyển nguồn, kết dư	0	585.388	5.511.478	0	5.511.478				551.129	1.608,71
4)	Thu các khoản vay	0	0	0	0	0				0	
	Điều tiết: - NSTW	690.770	8.529	463.681	13.525	477.206	67,13	69,08	124,86	-9.307	(52,18)
	- NS TỈNH	5.887.420	2.412.335	13.835.300	6.375	13.841.675	235,00	235,11	133,70	2.057.461	579,77
	- NS HUYỆN, XÃ	2.222.810	51.202	2.773.016	16.700	2.789.716	124,75	125,50	107,33	-34.651	(40,36)

Ghi chú:
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là 0 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 09/7/2024 là 1.176,324 tỷ đồng, đạt 64,28 % so với dự toán năm, bằng 116,88% so với cùng kỳ.
- Thu tiền sử dụng đất là 16.751 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 09/7/2024 là 771,954 tỷ đồng, đạt 77,20% so với dự toán năm, bằng 167,29% so với cùng kỳ.
- Các khoản thu nội địa còn lại là 62,010 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 09/7/2024 là 5.089,758 tỷ đồng, đạt 75,96% so với dự toán năm, bằng 132,09% so với cùng kỳ.

Lập biểu

Tham

Thân Thị Diệu Thắm

Phòng QL Ngân sách - Tài chính HICSN

Nguyễn Hoàng Búp

Nguyễn Hoàng Búp